

Vietnam Monthly Review

2019 M04

BSC Research

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11, Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Hồ Chí Minh

Tầng 9, 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3812 8885

Fax: +84 8 3812 8510

Kinh tế vĩ mô

- Chỉ số PMI tăng từ mức 51.7 lên 52.5 trong tháng 04, và thấp hơn mức trung bình của năm 2018 là 53.7 điểm.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 4 tháng ước đạt 793.8 nghìn tỷ đồng tăng 12.2% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 9%.
- Trong 4 tháng, FDI đăng ký tăng 50.4% so với cùng kỳ năm trước trong khi vốn FDI giải ngân tăng 7.5% so với năm ngoái. Vốn FDI tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến chế, chế tạo.
- Tỷ giá USD liên ngân hàng giao động trong khoảng 23,240– 23,265 VND/USD, tăng nhẹ so với biên độ 23,200– 23,255 VND/USD trong tháng 03. Lãi suất liên ngân hàng tại tăng nhẹ trong 2 tuần đầu tháng và giảm mạnh trong 2 tuần cuối tháng.

Thị trường chứng khoán

- HSX điều chỉnh nhẹ và HNX hồi phục nhẹ. VN-Index chính thức giảm 1.1 điểm so với thời điểm cuối tháng trước (-0.11% MoM), (+9.76%YtD) và HNX-Index tăng 0.02 điểm (+0.02% MoM), (+3.10% YtD).
- Thanh khoản bình quân trên 2 sàn giảm 27.3% so với tháng 3/2019, và giảm xuống mức 3,907 tỷ đồng/ phiên và tương ứng với gần 168.4 triệu USD/phiên..
- Trong tháng 4, khối ngoại mua ròng trên sàn HSX 659 tỷ đồng, mua ròng 105 tỷ đồng trên sàn HNX.
- P/E của VN-Index giảm xuống mức 16.51 tương ứng -0.03% MoM, +9.99% YtD và HNX-Index giảm nhẹ về mức 8.30 tương ứng -0.13% MoM, -4.61% YtD. P/E của sàn HSX giảm nhẹ và kết thúc chuỗi 3 tháng tăng liên tiếp, HNX cũng có mức giảm nhẹ. So với tháng 3/2019, P/E của chỉ số VN-Index giảm xuống vị trí thứ 9 và HNX-Index tiếp tục giữ vị trí thứ 19 trong khu vực Châu Á.

Nhận định thị trường tháng 5

KQKD quý I không còn tác động nhiều đến thị trường thay vào đó dòng tiền mới cũng như thông tin hỗ trợ sẽ ảnh hưởng đến thị trường trong tháng 5. Với kỳ vọng Hiệp định thương mại Mỹ - Trung và Việt Nam có thể đón dòng tiền ngoại mới kỳ vọng giúp thị trường tăng điểm rõ rệt vào nửa sau tháng 5. VN-Index sẽ vận động 950 điểm - 1,000 điểm trong tháng 5. Trong tháng 3, BSC đưa ra 2 kịch bản như sau:

- Trường hợp tích cực, VN-Index giữ trên 965 điểm và sẽ kiểm tra 1,000 điểm. Thanh khoản duy trì ổn định.
- Trường hợp tiêu cực, VN-Index có thể giảm dưới 950 điểm nếu có những thông tin bất lợi từ thế giới.
- **Cổ phiếu khuyến nghị:**
 - Nhóm ngành và cổ phiếu được chúng tôi đánh giá khả quan trong Báo cáo triển vọng Ngành năm 2019 ([Link](#)) và Báo cáo triển vọng ngành quý II ([Link](#));
 - Nhóm cổ phiếu Cảng biển, Dệt may hưởng lợi từ hiệp định thương mại và chuyển dịch sản xuất từ chiến tranh thương mại;
 - Nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ hồi phục giá NVL và giá dầu;
 - Các cổ phiếu có tính phòng thủ cao như Điện, Công nghệ thông tin – bưu chính, Tiêu dùng bán lẻ có mức tăng trưởng và cổ tức cao;
 - Về dài hạn, các cổ phiếu khuyến nghị của BSC sẽ được đề cập trong các Báo cáo chiến lược ngành quý IV ([Link](#)), các cổ phiếu có chuyển biến tốt được khuyến nghị trong Báo cáo TVĐT hàng tuần ([Link](#)) và Báo cáo cập nhật ngành/doanh nghiệp ([link](#)).

Bức tranh vĩ mô tháng 04/2019

Tăng trưởng kinh tế

- Chỉ số PMI tăng từ mức 51.7 của tháng 03 lên mức 52.5 điểm trong tháng 4, và thấp hơn mức trung bình của năm 2018 là 53.7 điểm.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 04 ước tính tăng 9.3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 2%; ngành chế biến, chế tạo tăng 10.5%; sản xuất và phân phối điện tăng 9.4%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6.8%. Tính chung 4 tháng đầu năm 2019, IIP ước tính tăng 9.2% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 13.7% của 2018.

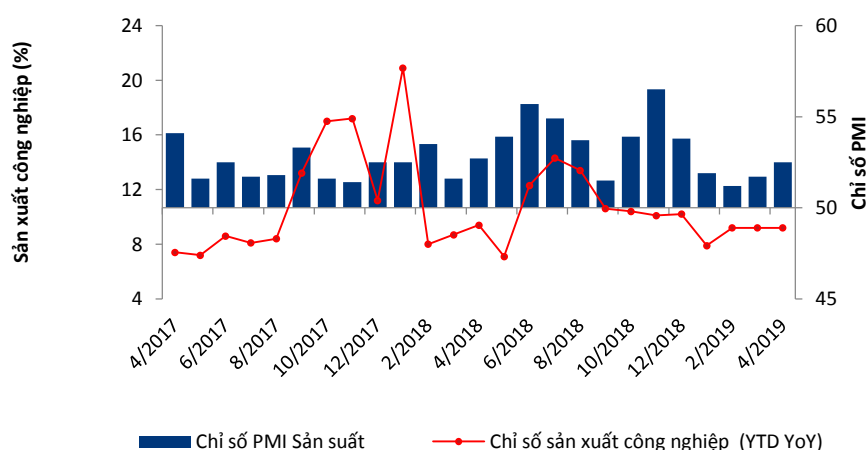
Trong các ngành công nghiệp cấp II, top 3 ngành có chỉ số sản xuất tháng 04 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 77.5%; sản xuất kim loại tăng 40.6%; sản xuất xe có động cơ tăng 18.6%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 4T2019 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Xăng, dầu tăng 70.3%; sắt, thép thô tăng 67.1%; tivi tăng 42.6%; khí hóa lỏng (LPG) tăng 29.8%; vải dệt từ sợi nhân tạo tăng 19.5%; ô tô tăng 18.3%; sơn hóa học tăng 15.8%; than sạch tăng 12.8%; bia tăng 12.2%; phân urê tăng 12.1%.

Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm: Thép thanh, thép góc tăng 3.1%; khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 0.4%; thức ăn cho gia súc giảm 0.7%; xe máy giảm 3.1%; phân hỗn hợp NPK giảm 5%; đường kính giảm 6.5%; dầu thô khai thác giảm 8.3%; linh kiện điện thoại giảm 24.6%.

Đồ thị 1

Chỉ số sản xuất công nghiệp & PMI



Nguồn: GSO, Markit, BSC Research

Chỉ số PMI tăng từ mức 51.7 của tháng 03 lên mức 52.5 điểm trong tháng 4, và thấp hơn mức trung bình của năm 2018 là 53.7 điểm. Tăng trưởng

trong lĩnh vực sản xuất của Việt Nam được duy trì trong tháng 4 khi các công ty tiếp tục thu hút thành công lượng đơn đặt hàng mới. Điểm đáng khích lệ là việc làm đã tăng lần đầu tiên trong ba tháng và mức độ tự tin trong kinh doanh đã cải thiện tháng thứ hai liên tiếp. Có những dấu hiệu cho thấy chi phí đầu vào tăng nhanh hơn, nhưng các công ty tiếp tục giảm giá cả đầu ra trong một nỗ lực thúc đẩy nhu cầu khách hàng. Cụ thể:

- Các công ty tiếp tục có số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh trong tháng 4, với tốc độ tăng hầu như ngang bằng với tháng 3. Tình trạng tương tự xảy ra với số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới. Trong cả hai loại đơn đặt hàng, các thành viên nhóm khảo sát đều nhắc đến tình trạng cải thiện nhu cầu của khách hàng.
- Việc làm trong đầu quý II đã tăng lần đầu tiên trong ba tháng. Tốc độ tăng việc làm là nhanh hơn một chút so với mức trung bình của lịch sử chỉ số. Lượng công việc tồn đọng đã giảm tháng thứ tư liên tiếp.
- Hoạt động mua hàng tiếp tục tăng mạnh, với mức tăng gần đây nhất giúp hàng tồn kho trước sản xuất tăng lần đầu tiên kể từ tháng 1. Tồn kho thành phẩm cũng đã tăng, mặc dù mức độ tăng chỉ là nhẹ và là mức yếu nhất trong thời kỳ tăng kéo dài bảy tháng qua.
- Tốc độ tăng chi phí đầu vào đã nhanh hơn thành mức mạnh nhất kể từ tháng 11 năm ngoái. Các thành viên nhóm khảo sát báo cáo giá cả nguyên vật liệu trên thị trường quốc tế nhìn chung là tăng. Mặc dù gánh nặng chi phí tăng mạnh, các nhà sản xuất Việt Nam tiếp tục giảm giá cả đầu ra. Giá bán hàng đã giảm tháng thứ năm liên tiếp nhờ những nỗ lực duy trì số lượng đơn đặt hàng mới tăng. Tuy nhiên, tốc độ giảm chỉ là nhỏ.

Số lượng đơn đặt hàng mới được dự báo tăng tiếp trong năm tới, từ đó làm tăng mức độ lạc quan về sản lượng. Các kế hoạch mở rộng kinh doanh cũng được đưa ra để hỗ trợ tăng trưởng sản lượng. Mức độ lạc quan đã tăng thành mức cao của ba tháng trong tháng 4.

Bên cạnh đó, chỉ số PMI của Trung Quốc suy giảm xuống mức 50.1 trong tháng 04 từ mức 50.5 của tháng 3. Điều này trái ngược với sự mong đợi của thị trường về sự hồi phục của nền kinh tế Trung Quốc. Chỉ số PMI suy yếu, cùng với mức tăng trưởng nhẹ trong lĩnh vực xây dựng có thể gây ra tranh luận về việc Trung Quốc cần lượng kích thích tài chính là bao nhiêu để giảm thiểu nguy cơ tăng nợ nhanh chóng. Nhằm chống lại sự chậm lại của nền kinh tế, chính phủ Trung Quốc đã tăng cường kích thích tài khóa trong năm nay, công bố cắt giảm thuế và phí lên tới 2 nghìn tỷ nhân dân tệ (tương đương 297 tỷ USD) để giảm bớt gánh nặng cho các công ty, đồng thời cho phép chính quyền địa phương phát hành 2.15 nghìn tỷ nhân dân tệ trái phiếu cho các dự án cơ sở hạ tầng. Bất chấp thông tin như vậy, chỉ số PMI suy giảm cho thấy sức khỏe nội tại và tính ổn định của nền kinh tế Trung Quốc đang khá bấp bênh. Điều này sẽ tạo nên lợi thế khá lớn cho tổng thống Donald Trump trong cuộc đàm phán thương mại Mỹ-Trung vào cuối tháng này.

Lạm phát

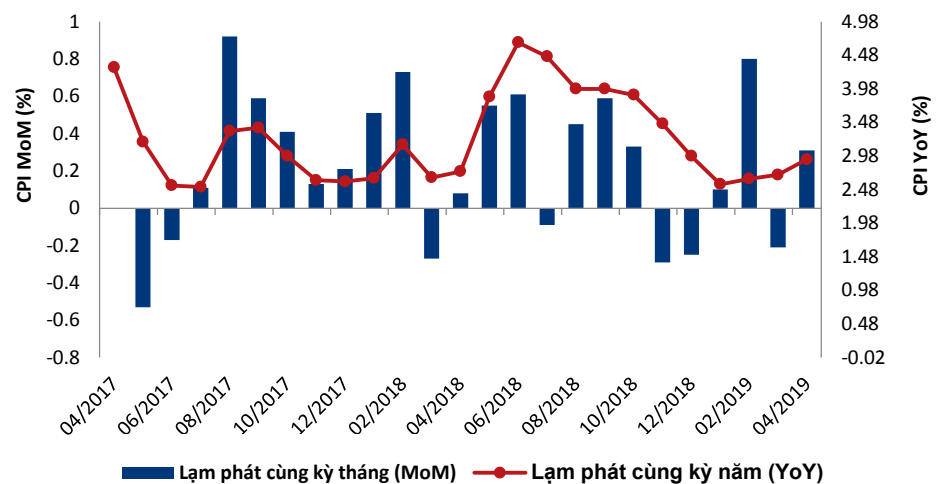
- CPI tháng 04 tăng +0.31% so với tháng 03 trong đó CPI của 9/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tháng 4 tăng so với tháng trước.

Chỉ số giá tiêu dùng CPI của tháng 04 tăng 0.31% so với tháng trước, và tăng 2.93% so với cùng kỳ năm 2018. Lạm phát cơ bản tháng 4/2019 tăng 0.09% so với tháng trước và tăng 1.88% so với cùng kỳ năm trước.

CPI bình quân 4 tháng đầu năm 2019 tăng 2.71% so với bình quân năm 2018. Lạm phát cơ bản bình quân 4 tháng đầu năm nay cũng tăng 1.84% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

Đồ thị 2

Diễn biến CPI tháng



Nguồn: GSO, BSC Research

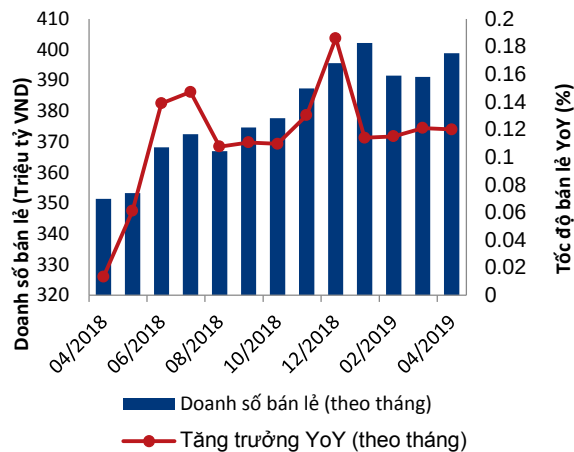
Trong tháng 04, chỉ số giá của 9/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ ghi nhận tăng giá. Biến động của CPI trong tháng được gây ra bởi những nguyên nhân sau:

- Nhóm giao thông có mức tăng cao nhất 4.29%**, chủ yếu do ảnh hưởng từ 2 đợt điều chỉnh tăng giá xăng, dầu vào thời điểm 2/4/2019 và thời điểm 17/4/2019 và giá vé tàu hỏa tăng vào dịp nghỉ 30/04-01/05.
- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0.6%**, chủ yếu do giá điện sinh hoạt tăng 1.85% so với tháng trước; giá gas tăng 1.42%; giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0.98%.
- Nhóm văn thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0.11%.**

Ngày 20/03, việc chính phủ đã nâng mức giá điện lên 8.36% đã khiến giá điện sinh hoạt cũng tăng thêm 1.85%, Ảnh hưởng chủ yếu của giá điện đã bắt có tác động nhất định vào CPI tháng 04 tại nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng. Tháng 5 và tháng 6 tới là chu kỳ cao điểm của việc sử dụng điện trong cả hoạt động sản xuất lẫn sinh hoạt gia đình. Việc gia tăng chi phí sản xuất do giá điện tăng sẽ thúc đẩy mặt bằng giá chung của các sản phẩm trên toàn nền kinh tế và khiến CPI tăng mạnh trong hai tháng tới. Điều này cũng sẽ khiến CPI bình quân cả năm tăng thêm 0.3% và duy trì ở mức 3.8-4.0%.

Đồ thị 3

Doanh số bán lẻ



Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 1

Tăng/giảm CPI các nhóm hàng hóa dịch vụ trong tháng

TT	Nhóm hàng hóa, dịch vụ	So với tháng trước (điểm %)	So với cùng kỳ (điểm %)
1	Hàng ăn và dịch vụ ăn	-0.57	4.28
2	Giao thông	4.29	1.36
3	Thuốc & dịch vụ y tế	0.01	-0.21
4	Nhà ở & VLXD	0.6	3.25
5	Văn hóa giải trí	0.1	1.94
6	Đồ uống, thuốc lá	0.08	1.78
7	May mặc, mũ nón, giày	0.06	1.74
8	Thiết bị đồ dùng gia đình	0.11	1.31
9	Giáo dục	0.05	6.11
10	Bưu chính viễn thông	-0.07	-0.78
11	Khác	0.15	2.3

Nguồn: GSO, BSC Research

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4/2019 ước tính đạt 400 nghìn tỷ đồng, tăng 2.3% so với tháng trước và tăng 12% so với cùng kỳ năm 2018.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 306.6 nghìn tỷ đồng, tăng 2.2% MoM và tăng 13.1% YoY; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 47.7 nghìn tỷ đồng, tăng 3.1% so với tháng trước và tăng 9.9% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3.6 nghìn tỷ đồng, tăng 2% so với tháng trước và tăng 13.2% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ khác đạt 42.1 nghìn tỷ đồng, tăng 1.8% so với tháng trước và 6.8% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 4 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 1,583.7 nghìn tỷ đồng, tăng 11.9% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9%.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

- FDI đăng ký đạt 7.56 tỷ đô và tăng 50.4% so với cùng kỳ năm trước trong khi vốn FDI giải ngân đạt 5.7 tỷ đô và tăng 7.5% so với năm ngoái.

- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến chế, chế tạo khi ngành này chiếm đến 77% tổng vốn đăng ký.

Tổng vốn FDI đăng ký mới và tăng thêm đến hết 20/04/2019 của 1,082 dự án (+22.5% YoY) đạt 5,345 triệu USD (+25.1% YoY), cộng với 2,110 triệu USD vốn đăng ký điều chỉnh của 395 dự án đã cấp phép trong các năm trước. Như vậy, tổng số vốn FDI đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm đạt 7,455 triệu USD (+50.4% YoY).

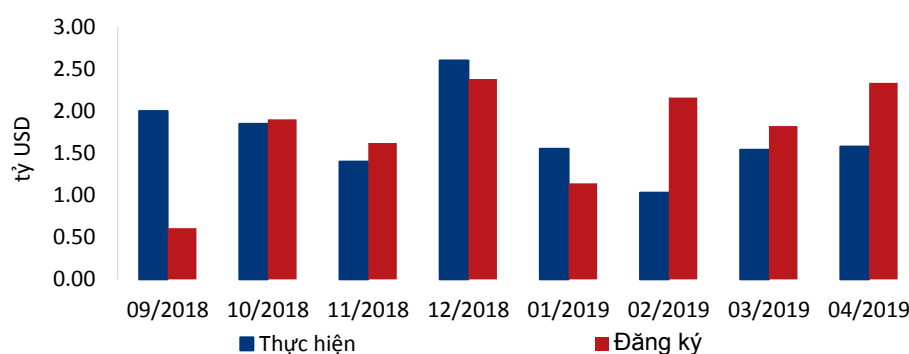
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 4 tháng ước tính đạt 5.7 tỷ USD, tăng 7.5% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong 4T2019, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký của các dự án được cấp phép mới đạt 3,958 triệu USD, chiếm 74.1% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 528.6 triệu USD, chiếm 9.9%; các ngành còn lại đạt 858 triệu USD, chiếm 16%.

Nếu tính cả vốn đăng ký bổ sung của các dự án đã cấp phép từ các năm trước thì vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong 4 tháng đạt 5,738.7 triệu USD, chiếm 77% tổng vốn đăng ký; ngành hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 538.4 triệu USD, chiếm 7.2%; các ngành còn lại đạt 1,178.5 triệu USD, chiếm 15.8%.

Đồ thị 4

Vốn FDI (tỷ USD)



Nguồn: GSO, BSC Research

Top 3 khu vực thu hút FDI đăng ký cả nước: Tây Ninh (520.3 triệu USD – 9.7%), Bình Dương (495.6 triệu USD – 9.3%), Bắc Ninh (479.4 triệu USD – 9%).

Trong 4 tháng đầu năm, Trung Quốc là nhà đầu tư trực tiếp lớn nhất vào Việt Nam với số vốn đầu tư 1,314 triệu USD, chiếm 24.6% tổng vốn đăng ký cấp mới; theo sát phía sau là Singapore với 699.7 triệu USD, chiếm 13.1% và Hong Kong với 693.4 triệu USD, chiếm 13%.

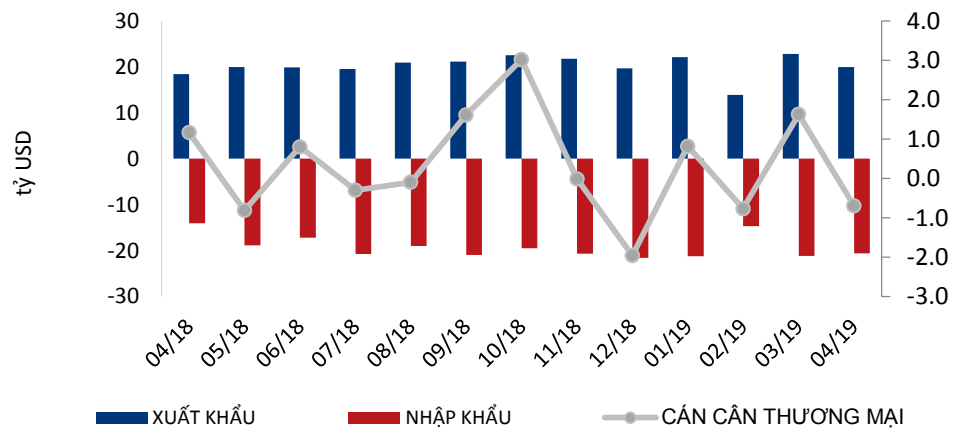
Thương mại, Xuất nhập khẩu

- Cán cân thương mại tháng 04 ước tính nhập siêu 700 triệu USD
- Tính chung 4 tháng đầu năm xuất siêu 711 triệu USD, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 9.46 tỷ USD.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 04 ước đạt 19.9 tỷ USD, giảm 12.6% so với tháng trước, và tăng 7.5% so với cùng kỳ 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 6.12 tỷ USD, giảm 4.8% so với tháng trước và 9.8% so với cùng kỳ năm trước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 13.78 tỷ USD, giảm 15.7% so với tháng trước, và tăng 6.6% so với cùng kỳ năm trước.

Đồ thị 5

Xuất nhập khẩu (tỷ USD)



Nguồn: GSO, BSC Research

Tính chung 4 tháng đầu năm 2019, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 78.76 tỷ USD, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 23.33 tỷ USD, tăng 10.5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 55.43 tỷ USD (chiếm 70.4% tổng kim ngạch xuất khẩu), tăng 4%. Từ đầu năm đến 15/04, điện thoại linh kiện điện nằm ở vị trí đứng đầu, đạt 14.07 tỷ USD (-2.9%), tốc độ xuất khẩu chậm lại do hoạt động kinh doanh của Samsung đang gặp khó khăn với KQKD Q1 2019 có mức lợi nhuận từ HĐKD giảm 60% so với cùng kỳ năm ngoái. Tiếp đến, Dệt may tăng trưởng +10.4% đạt mức 8.27 tỷ. Điện tử máy tính ở vị trí thứ 3 đạt mức 8.26 tỷ (+12.8%).

Bảng 2

Top 10 mặt hàng xuất khẩu.

STT	Mặt hàng xuất khẩu	Kim ngạch (tỷ USD)	%So với cùng kỳ năm trước
1	Điện thoại, linh kiện	14.07	-2.9%
2	Dệt may	8.27	10.4%
3	Điện tử máy tính	8.26	12.8%
4	Máy móc, thiết bị khác	4.62	6.2%
5	Giày dép	4.61	52.1%
6	Gỗ & SP từ gỗ	2.68	18.1%
7	PT vận tải & phụ tùng	2.49	6.9%
8	Thủy sản	2.09	0.5%
9	Sắt thép	1.26	7.7%
10	Máy ảnh, quay phim	1.26	8.6%

Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 3

Top 10 hàng hóa nhập khẩu

STT	Mặt hàng NK	Kim ngạch (tỷ USD)	%So với cùng kỳ năm trước
1	Điện tử, máy tính	13.86	23.1%
2	Máy móc, thiết bị	10.11	14.4%
3	Vải	3.49	10.1%
4	Điện thoại, linh kiện	3.23	-16.1%
5	Sắt thép	2.73	5.0%
6	Chất dẻo	2.50	1.2%
7	Kim loại khác	1.78	-8.7%
8	SP chất dẻo	1.73	9.5%
9	NPL dệt may	1.60	8.1%
10	Xăng dầu	1.51	-39.1%

Nguồn: GSO, BSC Research

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 04 ước đạt 20.6 tỷ USD, giảm 2.6% so với tháng trước, và tăng 17.6% so với cùng kỳ 2018. Trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 8.8 tỷ USD, giảm 2.1% so với tháng trước; và tăng 18.5% so

với cùng kỳ năm trước. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11.8 tỷ USD, giảm 3% so với tháng trước, và tăng 17% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 4T2019, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước tính đạt 78.05 tỷ USD, tăng 10.4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 32.08 tỷ USD, tăng 14%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 45.25 tỷ USD, tăng 7.6%. Đầu năm đến 15/04, các mặt hàng nhập khẩu trong tháng 04 có kim ngạch lớn gồm Điện tử máy tính đạt mức 13.86 tỷ USD (+23.1% YoY), máy móc thiết bị 10.11 tỷ USD (+14.4% YoY), vải đạt 3.49 tỷ USD (+10.1% YoY).

Thị trường ngoại hối

- Tỷ giá trong tháng 4 duy trì xu hướng đi ngang và tăng nhẹ vào cuối tháng 04 nhờ thông tin tích cực từ KQKD Q1/2019 của thị trường Mỹ.
- Vận động của tỷ giá trong quý II sẽ phụ thuộc lớn vào tiến trình của cuộc đàm phán thương mại Mỹ -Trung trong giai đoạn tới và động thái của FED trong kỳ họp tới.

Tỷ giá trung tâm trong tháng 04 dao động trong khoảng 22,976 – 23,261 VND/USD, tăng so với mức biên 22,923– 22,980 VND/USD trong tháng 03. Mức trung bình trong tháng là 22,994 VND/USD. Ngày 26/04, tỷ giá đang giao dịch tại mức 23,028, tăng +0.9% YTD và +2.2% YoY.

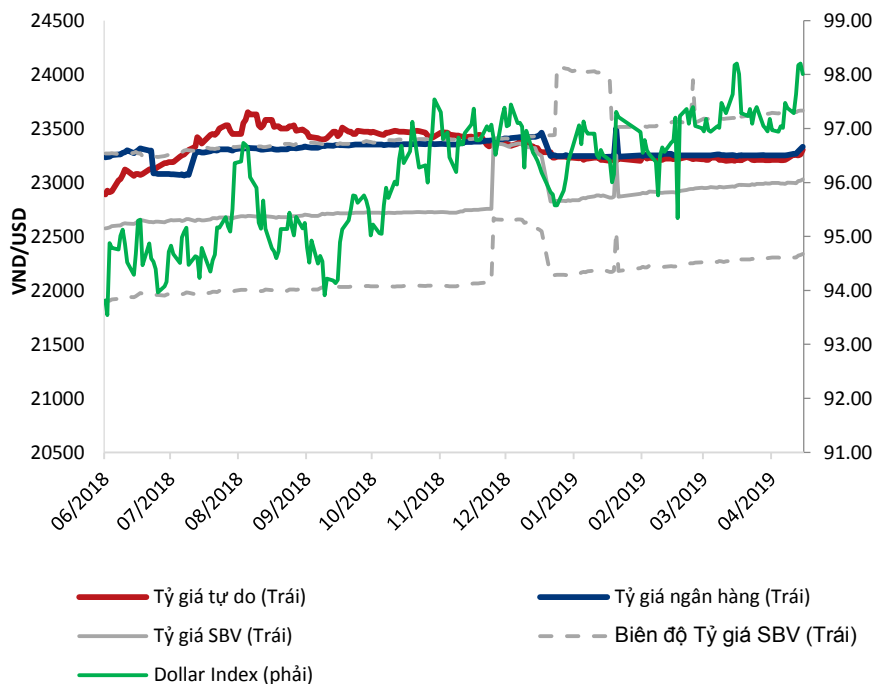
Tỷ giá liên ngân hàng trong tháng 04 dao động trong khoảng 23,250– 23,330 VND/USD, tăng so với biên độ 23,245 – 23,260 VND/USD trong tháng 03. Mức trung bình trong tháng là 23,261 VND/USD. Ngày 26/04, tỷ giá đang giao dịch tại mức 23,330, tăng +0.4% YTD và +2.3% YoY.

Tỷ giá tự do trong tháng 04 dao động trong khoảng 23,205 – 23,305 VND/USD, tăng so với biên độ 23,200 – 23,235 VND/USD trong tháng 03. Mức tỷ giá tự do trung bình trong tháng là 23,225 VND/USD. Ngày 26/04, tỷ giá đang giao dịch tại mức 23,305, tăng +0.1% YTD và +2.1% YoY.

Chỉ số giá USD tháng 04 tăng 0.8% so với cuối tháng 04, và tăng 7.0% so với cùng kỳ năm ngoái. Chỉ số này dao động trong biên độ từ 96.9-98.2 điểm, với mức trung bình tháng đạt 97.3 điểm. Ngày 26/04, chỉ số đạt mức 98.01 điểm.

Từ đầu năm đến hết tháng 04, ngân hàng nhà nước liên tục nâng cao tỷ giá trung tâm nhằm đề phòng xu hướng biến động tỷ giá USD/VND trước kết quả của chiến tranh thương mại Mỹ-Trung. Xu hướng này hiện tại vẫn chưa có tín hiệu dừng lại và sẽ tiếp tục đến khi có cuộc đàm phán thương mại Mỹ-Trung có kết quả đàm phán nhất định.

Đồ thị 6
Diễn biến tỷ giá



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Ngân hàng - Lãi suất

- Lãi suất liên ngân hàng giảm ở tất cả các kỳ tăng nhẹ trong 2 tuần đầu của tháng 04 nhưng giảm mạnh vào hai tuần cuối.
- Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trung và dài hạn vẫn ổn định và chưa có biến động mạnh. Chính sách kinh tế vẫn hướng tới chu kỳ kinh tế tăng trưởng.

Lãi suất liên ngân hàng giảm so với thời điểm cuối tháng 04 ở tất cả các kỳ hạn trong tháng 04 khi các thông tin vĩ mô tích cực duy trì sự ổn định của tỷ giá. Tại ngày 26/04, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 1 tháng, 3 tháng, và 6 tháng lần lượt đạt 2.7%, 2.86%, 3.34%, 3.92% và 4.24%.

Trong tháng 04, NHNN đã hút ròng 12,100 tỷ đồng trong tuần đầu, bơm ròng 6,801 tỷ đồng trong tuần 2 và 4,100 tỷ đồng trong tuần thứ 3 qua kênh OMO và tín phiếu. Tuần cuối tháng NHNN hút ròng 4,694.4 tỷ đồng vào tuần cuối. Thanh khoản hệ thống vẫn nằm ở trạng thái dồi dào khi nguồn dự trữ ngoại hối vẫn lớn và áp lực từ lãi suất liên ngân hàng suy giảm.

Hiện tại, mặt bằng lãi suất huy động đồng Việt Nam phổ biến ở các mức sau:

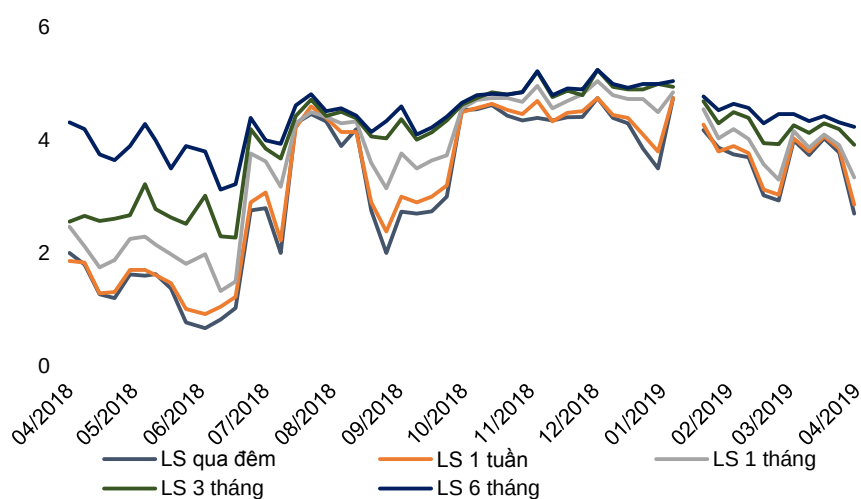
- 0.5%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng;
- 4.5%-5.5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6

- tháng;
- 5.5%-6.5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng;
 - kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6.6%-7.3%/năm.

Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Đồ thị 7

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, BSC Research.

Dự báo vĩ mô tháng 05/2019

Xét trên bình diện quốc tế, kinh tế vĩ mô tháng 05/2019 của Việt Nam có thể bị ảnh hưởng bởi một số tác động sau:

1. Chiến tranh thương mại. Tiến trình đàm phán thương mại của FED sẽ Tổng thống Trump đã gia hạn thời điểm tăng mức thuế. Dù nội dung cụ thể trong các cuộc đối thoại vừa qua chưa được công bố, song nhiều khả năng Trung Quốc sẽ cam kết tăng mua các sản phẩm dầu khí, nông sản từ Mỹ và cho phép các công ty Mỹ được nắm giữ toàn bộ cổ phần khi hoạt động tại thị trường này. Đổi lại, Washington có thể hạ thấp hoặc dỡ bỏ toàn bộ mức thuế mới áp đặt lên hàng hóa nhập khẩu của Bắc Kinh với tổng giá trị 250 tỷ USD. Ngoài ra, Trung Quốc cũng đã có thêm nhiều nhượng bộ về việc mở cửa thị trường nhằm thúc đẩy ký kết thỏa thuận vào cuối tháng này. Bản thỏa thuận sơ bộ dự kiến sẽ được công bố vào đầu tháng 05 với những thủ tục cuối cùng sẽ được hoàn thành vào cuối tháng 05-đầu tháng 06 tại cuộc gặp gỡ giữa tổng thống Donald Trump và chủ tịch Tập Cận Bình.

2. Bầu cử Nghị viện Châu Âu (23-26/5): Theo giới quan sát, sự trỗi dậy của các đảng theo chủ nghĩa dân tộc đã tạo ra cơ hội biến chiến dịch bầu cử Nghị viện châu Âu sắp tới thành một cuộc tranh luận xuyên quốc gia về tương lai của châu Âu. Tại vòng bầu cử Nghị viện châu Âu, cử tri sẽ tham gia bầu 751 đại biểu của Nghị viện châu Âu, cơ quan lập pháp của châu Âu thực hiện 3 quyền cơ bản là lập pháp, quyết định về ngân sách và giám sát các hoạt động của EU, đặc biệt là của Ủy ban châu Âu. Sau bầu cử, Nghị viện châu Âu mới sẽ bầu ra Chủ tịch Ủy ban châu Âu và bỏ phiếu về vấn đề ngân sách cho hoạt động của EU trong 5 năm tới. Đây là cuộc bỏ phiếu quan trọng trong việc duy trì cơ chế hoạt động hiện tại của EU và cũng là cơ sở để dự đoán tân chủ tịch ECB vào tháng 06. Biến động về sự hàn gắn hay chia rẽ của liên minh EU sẽ tạo nên các ảnh hưởng đáng kể về mặt chính trị lẫn kinh tế cho cả thế giới.

3. Cuộc họp về chính sách tiền tệ của FED (30/04-01/05). Cục Dự trữ Liên bang đã quyết định giữ mức lãi suất 2.25-2.5% tại cuộc họp này khi FED phải cân nhắc mức tăng trưởng kinh tế tích cực của Hoa Kỳ và tốc độ tăng chậm lại của lạm phát. Tổng sản phẩm của Hoa Kỳ tăng trưởng với tốc độ 3.2% trong ba tháng đầu năm, tương đương với tốc độ của năm ngoái. Khoảng cách về lãi suất giữa các loại trái phiếu khác nhau, đã thu hẹp vào cuối tháng 3 – đồng nghĩa với những mối lo ngại về suy thoái kinh đã giảm bớt. Tuy nhiên, việc lạm phát chỉ đạt 1.5% so với mục tiêu 2% khiến cơ quan này duy trì mức lãi suất hiện tại. FED sẽ tiếp tục giữ vững chính sách tài khóa linh hoạt đến kỳ họp vào tháng 06 với tâm thế thận trọng đối theo diễn biến của nền kinh tế Mỹ.

Đối với tình hình trong nước, các tiêu điểm trong tháng 05/2019 bao gồm những vấn đề sau:

1. Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV (20/05-17/6). Trong kỳ họp này, các luật trình quốc hội thông qua là: Luật Hành chính công, Luật Kiến trúc, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia; Luật Quản lý thuế (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án hình sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị quyết về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020. Các luật được quốc hội cho ý kiến mà có ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế-xã hội bao gồm: Bộ luật lao động (sửa đổi), Luật chứng khoán (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp. Trong đó, luật chứng khoán sửa đổi sẽ là trọng tâm theo dõi khi dự thảo luật này đã đưa ra nội dung cải cách toàn diện thị trường chứng khoán Việt Nam. Tất cả những vấn đề như thay đổi biên độ giao dịch, bán khống và mở thêm các loại sản phẩm dịch vụ chứng khoán mới sẽ gây tác động khá mạnh lên thị trường chứng khoán.

2. Lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với ô tô. Lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với ô tô. Theo đó, lộ trình áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông:

- Ô tô lắp động cơ cháy cưỡng bức và ô tô lắp động cơ cháy do nén tham gia giao thông sản xuất trước năm 1999 được tiếp tục áp dụng Mức 1;
- Ô tô lắp động cơ cháy cưỡng bức và ô tô lắp động cơ cháy do nén tham gia giao thông sản xuất từ năm 1999 đến hết năm 2008 áp dụng Mức 2 từ ngày 01/01/2021;
- Ô tô lắp động cơ cháy cưỡng bức và ô tô lắp động cơ cháy do nén tham gia giao thông sản xuất sau năm 2008 áp dụng Mức 2 từ ngày 01/01/2020.

3. Hỗ trợ tới 100% học phí khóa đào tạo quản trị kinh doanh. Ngày 29/03/2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư 05/2019/TT-BKHĐT có hiệu lực từ ngày 12/05/2019 hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo đó, ngân sách Nhà nước sẽ hỗ trợ 100% học phí khóa đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị kinh doanh đối với các đối tượng sau: Học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa có trụ sở tại địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ. Nếu không có điều kiện tham gia đào tạo trực tiếp, học viên có thể tham gia chương trình đào tạo trực tuyến, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Người lao động hoặc cán bộ quản lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ được cung cấp tài khoản để tham gia học tập tại Hệ thống đào tạo trực tuyến trên nền tảng Web hoặc trên thiết bị di động thông minh.

Bảng 4
Các chỉ tiêu vĩ mô theo tháng

Chỉ tiêu/Tháng	2018M9	2018M10	2018M11	2018M12	2019M01	2019M02	2019M03	2019M04
GDP so với cùng kỳ năm trước (%)	6.88	-	-	7.31	-	-	6.79	-
GDP ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	6.98	-	-	7.08	-	-	6.79	-
PMI	51.7	53.7	56.5	53.9	51.9	51.2	51.9	52.5
IIP so với cùng kỳ năm trước (%)	9.1	7.7	9.6	11.4	7.9	10.3	9.1	9.3
IIP ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	10.6	10.4	10.1	10.2	7.9	9.2	9.2	9.2
Retail Sales so với cùng kỳ năm trước (%)	12.5	12.4	12.2	11.4	12.2	11.5	12.1	12.0
Retail Sales ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	13.4	11.4	11.5	11.3	12.2	12.2	12	11.9
CPI so với tháng trước (%)	0.59	0.33	-0.29	-0.25	0.10	0.8	-0.21	0.3
CPI so với cùng kỳ năm trước (%)	3.98	3.89	3.59	2.98	2.56	2.64	2.7	2.93
FDI đăng ký (tỷ USD)	19.67	21.57	23.19	25.58	1.14	3.30	5.12	7.45
FDI giải ngân (tỷ USD)	13.25	15.10	16.5	19.1	1.55	2.58	4.12	5.70
Xuất khẩu (tỷ USD)	21.1	22.5	21.6	19.6	22.0	13.9	22.4	19.9
Nhập khẩu (tỷ USD)	19.5	21.7	22.0	20.4	21.2	14.7	21.8	20.6
Cán cân TM (tỷ USD)	0.7	0.8	-0.4	-0.8	0.8	-0.8	0.6	-0.7
Tỷ giá (VND/USD)	23,147	23,351	23,363	23,351	23,243	23,252	23,245	23,261
Tăng trưởng tín dụng (%)	9.52	-	-	14	-	-	2.28	-

Nguồn: BSC Research

Thị trường chứng khoán tháng 4/2019

Tổng quan thị trường

Trong tháng 4, VN-Index đã có mức điều chỉnh nhẹ do tâm lý chờ đợi những tín hiệu hỗ trợ thị trường mới của nhà đầu tư, đặc biệt là các thông tin trong mùa đại hội cổ đông với công bố KQKD quý 1, diễn biến leo thang của giá dầu thế giới của cùng những diễn biến giai đoạn cuối của cuộc đàm thương mại Trung - Mỹ. Kết quả kinh doanh quý 1 của các công ty duy trì ở mức độ tích cực và có cải thiện đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên tâm lý thị trường duy trì ở trạng thái yếu do thiếu các yếu tố hỗ trợ tích cực trong dài hạn cùng những quan ngại về triển vọng kinh tế vĩ mô và hoạt động của doanh nghiệp trong mùa đại hội cổ đông đã khiến thị trường bị điều chỉnh liên tiếp trong các phiên giữa tháng và phục hồi nhẹ vào các phiên cuối tháng 4. Tính đến 26/3/2019, VN-Index chính thức giảm 1.1 điểm so với thời điểm cuối tháng trước (-0.11% MoM), (+9.76%YtD) và HNX-Index tăng 0.02 điểm (+0.02% MoM), (+3.10% YtD).

Thanh khoản giảm mạnh so với tháng 3, dòng tiền tập trung mạnh nhất vào nhóm có vốn hóa nhỏ. Trong tháng 4, sàn HSX có 164 cổ phiếu tăng, 201 cổ phiếu giảm và 11 cổ phiếu không đổi, 5 cổ phiếu hỗ trợ VN-Index gồm GAS tăng 14.87% (góp 8.51 điểm), PLX tăng 4.88% (góp 1.14 điểm), VRE tăng 4.05% (góp 0.99 điểm), NVL tăng 5.91% (góp 0.93 điểm), MSN tăng 3.08% (góp 0.92 điểm). Các cổ phiếu khiến VN-Index giảm điểm mạnh nhất gồm VNM giảm -3.71% (giảm -2.65 điểm), VIC giảm -1.9% (giảm -2.14 điểm), SAB giảm -4.21% (giảm -2.05 điểm), TCB giảm -5.66% (giảm -1.54 điểm) và BVH giảm -6.74% (giảm -1.36 điểm). Trong tháng 4, 7/18 ngành có mức tăng, mạnh nhất là ngành Điện, nước và xăng dầu khí đốt.

Bảng 6

Biến động 6 tháng gần nhất trên sàn HOSE

Tháng	Chỉ số	Khối lượng (tỷ đv)	Vốn hóa (nghìn tỷ đồng)
4	979.64	2.4	3,207.75
3	980.76	3.63	3,211.00
2	965.47	2.52	3,161.18
1	910.65	2.32	2,979.23
12	892.54	2.70	2,875.55
11	926.54	2.74	2,981.72

Bảng 7

Biến động 6 tháng gần nhất trên sàn HNX

Tháng	Chỉ số	Khối lượng (tỷ đv)	Vốn hóa (nghìn tỷ đồng)
4	107.46	0.57	203.10
3	107.44	0.91	200.43
2	105.86	0.54	196.89
1	102.88	0.58	189.74
12	104.33	0.77	192.50
11	104.82	0.7	190.51

Nguồn: HSX, Bloomberg, BSC Research

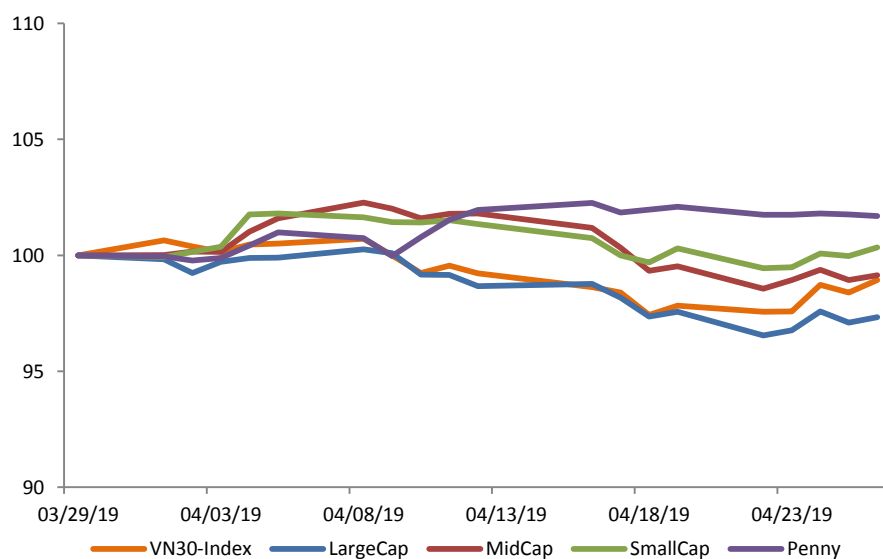
Nguồn: HNX, Bloomberg, BSC Research

Diễn biến nhóm cổ phiếu

Các nhóm cổ phiếu phân theo vốn hóa có mức tăng giảm không đều nhau. Trong tháng 4, Penny và SmallCap có mức hiệu suất nổi bật với mức tăng lần lượt là 1.7% và 0.34%. LargeCap, MidCap và VN30 đều có hiệu suất âm với mức giảm lần lượt là -2.66%, -0.86% và -1.06%. Trạng thái tích cực của thị trường được duy trì trong đầu tháng 4 nhờ những kỳ vọng từ quá trình đàm phán Trung – Mỹ và kỳ vọng tích cực vào mùa đại hội cổ đông cùng KQKD quý 1 của các công ty niêm yết. Tuy nhiên trong giữa và cuối tháng 4, tâm lý thị trường rơi vào trạng thái yếu đã khiến dòng tiền rút khỏi hầu hết các nhóm cổ phiếu, đặc biệt là các nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn. Vào các phiên cuối tháng dòng tiền phục hồi và tập trung ở nhóm cổ phiếu có vốn hóa nhỏ.

Đồ thị 9

Biến biến của các nhóm cổ phiếu

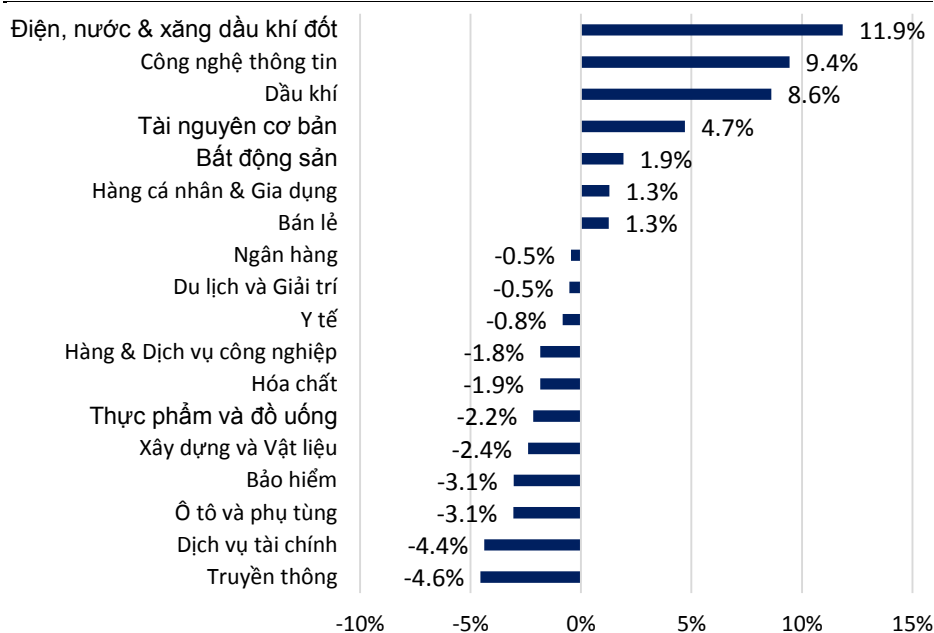


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Trong tháng 4, thị trường có 7/18 ngành tăng điểm. Trong đó, nhóm Điện, nước và xăng dầu khí đốt tăng mạnh nhất với hiệu suất 11.85% do sự đóng góp của cổ phiếu PPC và PLX với mức tăng lần lượt là 15.34% và 4.88%. Nhóm truyền thông là nhóm có mức giảm mạnh nhất với hiệu suất -4.55%.

Đồ thị 10

Ngành cấp 2 trong tháng 4 2019



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

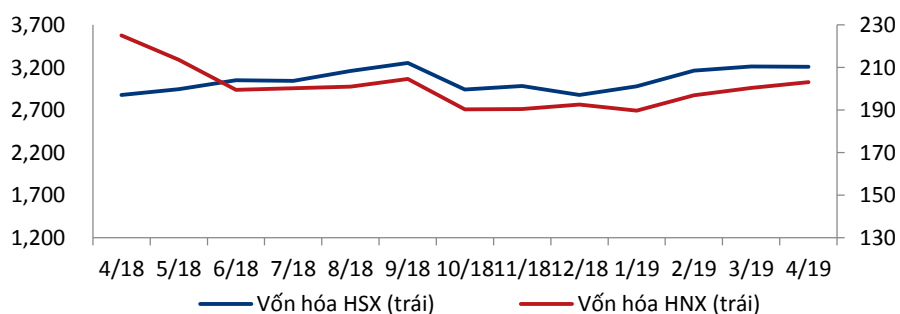
Quy mô vốn hóa

Vốn hóa trên cả 2 sàn HSX và HNX đạt 3,410.8 nghìn tỷ đồng tương đương 147.01 tỷ USD giảm 0.02% MoM, +11.17% YtD. Sàn Upcom giảm về mức 951.2 nghìn tỷ cuối tháng 4. Tính trong tháng 4, trên sàn HOSE có 206.29 triệu cổ phiếu niêm yết bổ sung; 1878.9 triệu cổ phiếu niêm yết lần đầu; 11.5 triệu ETF niêm yết bổ sung và 0.3 và 456.35 triệu trái phiếu hủy niêm yết.

Về quy mô niêm yết trên sàn HOSE tại ngày 26/4, sàn đang niêm yết 80.92 tỷ cổ phiếu tương đương 809.28 nghìn tỷ đồng (95.62% giá trị thị trường), 326.53 triệu trái phiếu tương đương 32.66 nghìn tỷ đồng (3.86% giá trị thị trường), 406.3 triệu chứng chỉ ETF tương đương 4.06 nghìn tỷ đồng (0.48% thị trường).

Đồ thị 11

Vốn hóa thị trường



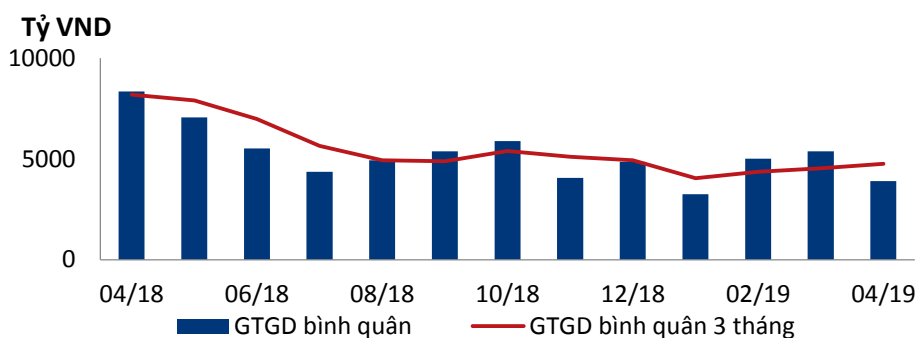
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Thanh khoản bình quân toàn thị trường

Thanh khoản bình quân trên 2 sàn giảm 27.3% so với tháng 3/2019, và giảm xuống mức 3,907 tỷ đồng/ phiên và tương ứng với gần 168.4 triệu USD/phiên. Trong tháng 4, dòng tiền tập trung ở nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ cũng như các cổ phiếu có kết quả kinh doanh tốt ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Tâm lý chờ đợi những tín hiệu tích cực từ những sự kiện lớn trên thế giới và mùa đại hội cổ đông với KQKD quý 1 đã khiến dòng tiền bị thu hẹp.

Đồ thị 12

Giá trị giao dịch bình quân



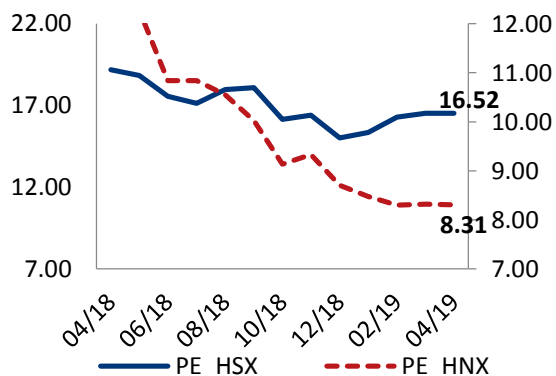
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mặt bằng giá của TTCK VN

P/E của VN-Index giảm xuống mức 16.51 tương ứng -0.03% MoM, +9.99% YtD và HNX-Index giảm nhẹ về mức 8.30 tương ứng -0.13% MoM, -4.61% YtD. P/E của sàn HSX giảm nhẹ và kết thúc chuỗi 3 tháng tăng liên tiếp, HNX cũng có mức giảm nhẹ. So với tháng 3/2019, P/E của chỉ số VN-Index giảm xuống vị trí thứ 9 và HNX-Index tiếp tục giữ vị trí thứ 19 trong khu vực Châu Á.

Đồ thị 13

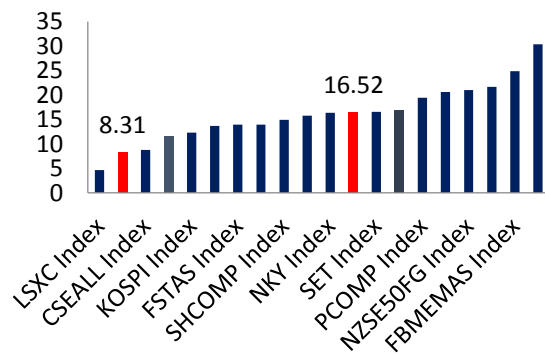
Diễn biến chỉ số P/E 2 sàn



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Đồ thị 14

Chỉ số P/E của VN so với các nước trong khu vực



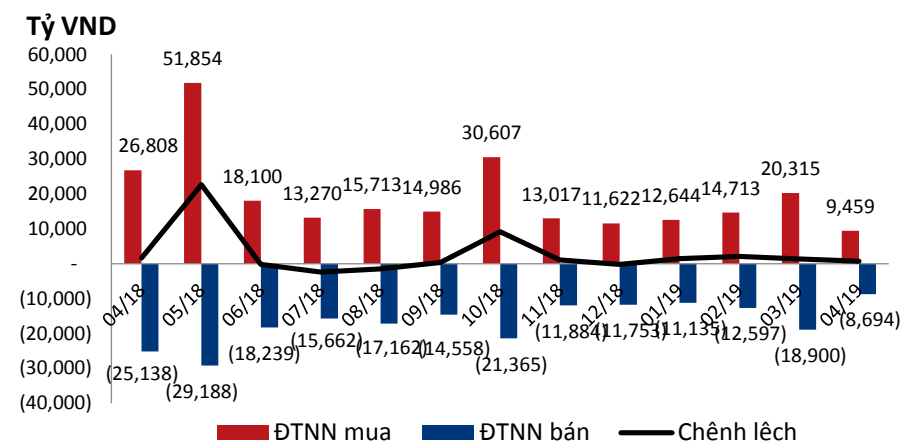
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giao dịch của khối ngoại

Trong tháng 4, khối ngoại tiếp tục mua ròng nhẹ trên sàn HSX và HNX. Sàn Upcom trong tháng 4 mua ròng 248.43 tỷ đồng, họ tập trung bán ròng 20.67 tỷ đồng IDC và 16.08 tỷ đồng MPC trong khi mua 119.98 tỷ đồng HFT và 58.09 tỷ đồng VEA.

Đồ thị 15

Diễn biến giao dịch khối ĐTNN trên 2 sàn



Nguồn: BSC Research

Trong tháng 4, khối ngoại mua ròng trên sàn HSX 659 tỷ đồng với 176 cổ phiếu được mua ròng và 161 cổ phiếu bị bán ròng, mua ròng 105 tỷ đồng trên sàn HNX với 95 cổ phiếu bị bán và 103 cổ phiếu được mua. Trên sàn HSX, khối ngoại mua mạnh các mã MSN (452.1 tỷ đồng), GAS (319.3 tỷ đồng), VHM (244 tỷ đồng), VRE (188.4 tỷ đồng), VCB (176.5 tỷ đồng) và bán các mã VJC (-388.1 tỷ đồng), VCI (-208.3 tỷ đồng), HDB (-164.4 tỷ đồng). Trên sàn HNX, nhóm này tập trung mua VGC (69.2 tỷ đồng), PVS (60.7 tỷ đồng) và bán SHS (-12.9 tỷ đồng), PVC (-5.94 tỷ đồng).

Bảng 8

Tốp 10 cổ phiếu mua bán ròng trên HSX tháng 4

Mã	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Giá trị (tỷ đồng)
MSN	452.13	VJC	(388.12)
GAS	319.34	VCI	(208.31)
VHM	244.01	HDB	(164.44)
VRE	188.48	AAA	(136.15)
VCB	176.52	SSI	(121.22)
VIC	119.38	POW	(109.02)
PVD	90.82	CTD	(94.81)
PLX	88.42	HCM	(88.24)
BWE	76.95	VHC	(49.53)
KBC	57.89	FLC	(40.84)

Nguồn: BSC Research

Bảng 9

Tốp 10 cổ phiếu mua bán ròng trên HNX tháng 4

Mã	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Giá trị (tỷ đồng)
VGC	69.26	SHS	(12.93)
PVS	60.70	PVC	(5.94)
TIG	4.83	VCG	(5.15)
DGC	3.98	CEO	(4.94)
ART	2.55	WCS	(2.96)
PMC	1.44	THB	(2.17)
DHT	1.18	SHB	(1.60)
DTD	1.07	NTP	(1.59)
TNG	1.05	BCC	(1.08)
PPS	0.92	HCC	(1.01)

Nguồn: BSC Research

Triển vọng thị trường tháng 5

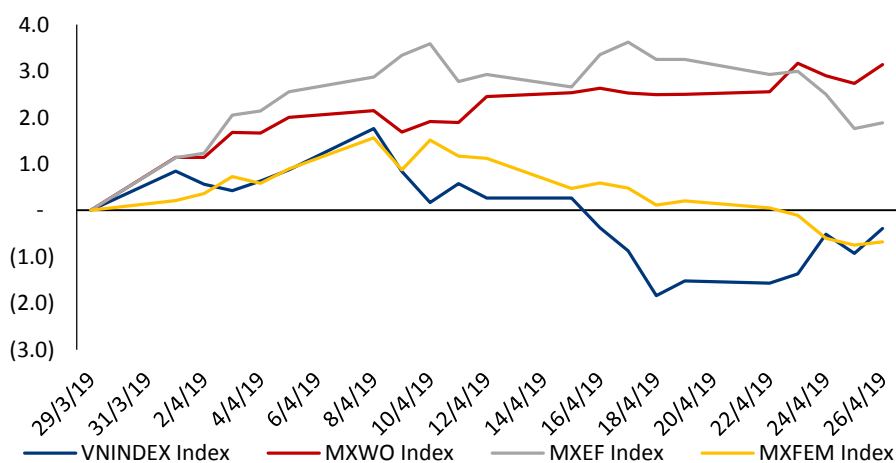
IMF hạ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới, Mỹ khởi động cuộc chiến chống trợ cấp với EU và xung đột địa chính trị tại Lybia, Sudan, Venezuela là những thông tin tiêu cực trong tháng 4. Dù vậy thị trường chứng khoán thế giới vẫn giữ đà tăng điểm nhờ thông tin tích cực về tiến trình đàm phán thỏa thuận thương mại Mỹ - Trung, Brexit trì hoãn đến 31/10 và kinh tế Trung Quốc tăng trưởng tích cực hơn dự báo. Cùng với đó, mua công bố KQKD tích cực đang là lực đỡ cho các thị trường chủ chốt.

Chính sách tiền tệ của các nền kinh tế chủ chốt sẽ còn tiếp tục duy trì như hiện tại trước viễn cảnh kinh tế tăng trưởng chậm. Biến động tỷ giá với biên độ lớn sẽ rất khó xảy ra như năm 2018. Điều này hỗ trợ cho dòng tiền quay trở lại khu vực mới nổi và thị trường biên. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đạt được thỏa thuận sẽ là thông tin được chờ đợi trong tháng 5. Tăng trưởng của các nền kinh tế chủ chốt trong quý I sẽ cũng là thông tin quan trọng nhằm đánh giá mức độ sụt giảm và điều chỉnh kỳ vọng tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, Cuộc chiến chống trợ cấp Mỹ - EU và các cuộc xung đột địa chính trị cũng là các nguy cơ tiềm ẩn đối với kinh tế thế giới và biến động của thị trường chứng khoán.

Về thị trường tiền tệ, USD Index giữ ổn định hầu hết thời điểm trong tháng dù vậy biến động mạnh vào tuần cuối cùng của tháng với mức tăng 0.7%. USD tăng tương đương với mức giảm giá các đồng tiền chủ chốt như JPY, EUR và CHF và tăng mạnh lần lượt 7.6% và 6.6% so với ARS (Argentina) và TRY (Turkey). Một số đồng nội tệ hiếm hoi tăng giá gồm RUB (Russian) tăng 1.4%, CNY (China) tăng 0.2%, và PHP (Philippine) tăng 0.6%. VND cũng giảm giá nhẹ 0.3% sau một thời gian dài bình ổn.

Đồ thị 16

MSCI khu vực phát triển, mới nổi và cận biên tháng 4/2019 (quy đổi USD)



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Với sự vận động tăng điểm ở các thị trường chủ chốt, MSCI khu vực phát triển (MXWO) tiếp tục dẫn đầu thế giới với mức tăng 3.1%. Chỉ số MSCI khu vực mới nổi (MXEF) và chỉ số MSCI khu vực cận biên (MXFM) biến động lần lượt 1.9% và -0.7%.

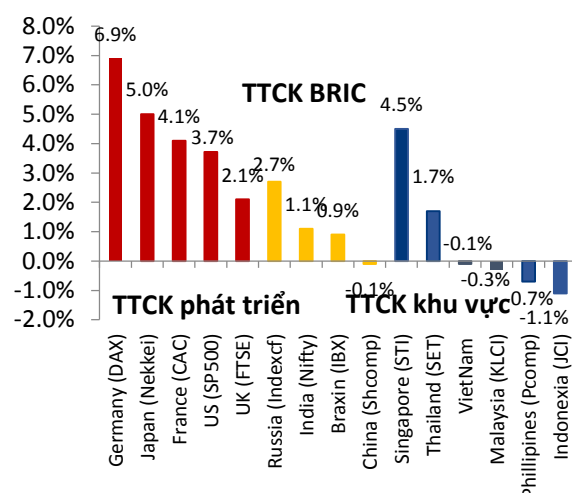
Ở khu vực thị trường phát triển, thị trường Đức tăng mạnh 6.9%, so với mức tăng bình quân 3.7% của các thị trường chủ chốt khác. Anh tiếp tục là thị trường tăng điểm thấp nhất 2.1% do vẫn ảnh hưởng từ sự kiện Brexit.

Ở khu vực các nước BRIC, thị trường Nga dẫn đầu đà tăng 2.7% trong khi Trung Quốc là thị trường duy nhất giảm điểm sau khi đã tăng 24% trong quý I do NDT lo ngại dừng hoạt động kích thích kinh tế.

Ở thị trường khu vực, thị trường Singapore và Thailand tăng lần lượt 4.5% và 1.7% trong khi các thị trường khác đều giảm nhẹ.

Đồ thị 17

Biến động chỉ số CK các quốc gia trong tháng 4



Bảng 10

Khối ngoại mua bán ròng tháng 4 (Mio.USD)

Quốc gia	Tháng 4	4 tháng
India	1,649	9,875
Indonesia	57	901
Japan*	30,565	(697)
Malaysia	(293)	(625)
Philippines	187	810
Korea	2,173	6,708
Sri Lanka	10	(24)
Taiwan	1,697	6,011
Thailand	96	(312)
Pakistan	3	34
Vietnam	28	186

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Về thị trường hàng hóa, chỉ số hàng hóa BCOM Index giảm nhẹ 0.4% bất chấp giá dầu WTI tăng 5.3%. Sự sụt giảm đến từ sự giảm giá của hầu hết các mặt hàng nông sản và kim loại như vàng, bạc, đồng, nhôm chì và thép.

Thông tin tích cực về tiến trình đàm phán thỏa thuận thương mại Mỹ - Trung, Brexit thêm 1 lần nữa được trì hoãn và kinh tế Trung Quốc tích cực hơn mức dự báo đã không cải thiện được tâm lý NĐT trong nước qua đó thu hút lại dòng tiền. VN-Index giảm nhẹ khi không còn sự hỗ trợ của dòng vốn ngoại ETFs cũng như bị ảnh hưởng từ những tin đồn bất lợi. Tính chung tháng 4, VN-Index giảm 1.1 điểm, tương đương -0.1%. Vận động giá xung quanh 980 điểm với sự phân hóa của nhóm cổ phiếu Bluechips và sự chuyển dịch dòng tiền ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ và các cổ phiếu có KQKD quý I tích cực.

Xét về ngành, 7/18 ngành cấp II tăng điểm. Ngành tiện ích, công nghệ và dầu khí tăng mạnh nhất lần lượt 10.5%, 8.6% và 7.6% trong khi Hóa chất, ô tô phụ tùng và dịch vụ tài chính giảm mạnh nhất lần lượt -3.1%, -3.5% và -4.2%.

Kết quả kinh doanh và các thông tin hỗ trợ về giá dầu tăng và El nino ảnh hưởng đến sự phân hóa mạnh của thị trường.

Xét về mức ảnh hưởng của các cổ phiếu, 5 cổ phiếu dẫn đầu đã tác động tăng 12.4 điểm gồm GAS (+14.9%, góp 8.5 điểm), PLX (+4.9%, góp 1.1 điểm), VRE (4.1%, góp 1 điểm), NVL (+5.9%, góp 0.9 điểm), và MSN (+3.1%, góp 0.9 điểm). Ở chiều ngược lại VNM (-3.7%, góp giảm 2.7 điểm), VIC (-1.9%, góp giảm 2.1 điểm), SAB (-4.2%, góp giảm 2.1 điểm), TCB (-5.7%, góp giảm 1.5 điểm) và BVH (-6.7%, góp giảm 1.4 điểm) lấy mất của thị trường 9.8 điểm.

Tháng 4, chúng tôi tập trung tham gia ĐHCĐ các công ty niêm yết. Số lượng báo cáo tư vấn đầu tư không nhiều gồm GEX ([Link](#)), HT1 ([Link](#)), HDG ([Link](#)), và GDW ([Link](#)). Tuy nhiên số lượng báo cáo nhanh cập nhật về tình hình hoạt động quý I và kế hoạch 2019 của các công ty được chúng tôi cập nhật nhiều tại BSC iBroker ([Link](#)). Bên cạnh đó, chúng tôi cập nhật báo cáo triển vọng ngành quý II, trong đó đánh giá khả quan với các ngành Bảo hiểm phi nhân thọ, Cảng biển, Dệt may, Điện, Ô tô và Tiêu dùng ([Link](#)).

Những thông tin chú ý trong tháng 5:

73% công ty công bố KQKD quý I, 1/4 số công ty niêm yết còn lại sẽ công bố vào 2 tuần đầu tháng 5. Tính đến 27/4 đã có 542 công ty, chiếm 73% số công ty niêm yết trên Hose và HNX, đã công bố KQKD quý I. Giá trị LNST tuyệt đối đạt 31,347 tỷ, tăng nhẹ 2.9% so cùng kỳ. 2 sàn có 268 công ty, chiếm 49% công ty đã công bố, có tăng trưởng dương so cùng kỳ. Số lượng công ty công bố có lãi chiếm 84%. Nhóm 5 công ty có giá trị LNST tuyệt đối tăng trưởng lớn nhất gồm VCB (+1,202 tỷ), STB (+448 tỷ), GAS (+422 tỷ), MBB (+384 tỷ), và ACB (+221 tỷ). Nhóm 5 công ty có giá trị LNST tuyệt đối giảm mạnh nhất gồm VPB (-666 tỷ), HPG (-411 tỷ), POM (-292 tỷ), HCM (-243 tỷ), và SSI (-224 tỷ).

Xét riêng nhóm cổ phiếu VN30, 16/30 công ty đã công bố KQKD quý I theo đó giá trị LNST đạt 21,455 tỷ, chiếm 68.5% LNST toàn thị trường, tăng trưởng 6.1% so cùng kỳ. 10/16 công ty có tăng trưởng LNST dương và không có công ty nào thua lỗ.

Bức tranh lợi nhuận có cơ hội được cải thiện khi vẫn còn 14 công ty trong VN30 sẽ lần lượt công bố KQKD sau kỳ nghỉ Lễ. Dù vậy nếu so sánh với mức tăng 2 con số trong 2 năm gần nhất thì mức tăng trưởng quý I 2019 khá khiêm tốn. Động lực tăng điểm từ KQKD quý I do vậy không đáng kể và sẽ chuyển sang kỳ vọng từ dòng tiền và tâm lý hỗ trợ sau kỳ nghỉ Lễ.

Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XIV từ 20/5 đến 13/6/2019. Quốc hội sẽ xem xét, thảo luận về các vấn đề kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2018 và những tháng đầu năm 2019. Quốc hội đồng thời phê duyệt ngân sách nhà nước năm 2017 và xem xét bổ sung danh mục dự án mới vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

Cùng với đó, Quốc hội dự kiến xem xét thông qua 7 dự án Luật và 02 dự thảo Nghị định trong đó lưu ý có Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công. Luật đầu tư công sửa đổi được kỳ vọng cởi trói cho hoạt động đầu tư

công vốn đã ách tắc trong vài năm gần đây. Ngoài ra, Luật Chứng khoán sửa đổi cũng được trình xin ý kiến quốc hội kỳ này. Luật chứng khoán sửa đổi dự kiến trình quốc hội chính thức tại kỳ họp thứ 8 diễn ra cuối năm 2019. Những điểm thay đổi mới trong dự thảo Luật chứng khoán sửa đổi tạo tiền đề cho một giai đoạn phát triển mới, đưa TTCK Việt Nam hội nhập với thế giới.

Thị trường đón nhận thêm dòng tiền ngoại mới khi MSCI chính thức nâng hạng Argentina. MSCI sẽ công bố đánh giá phân hạng thị trường bán niên năm 2019 vào 13/5 và có hiệu lực 29/5. Theo thông tin công bố trước đó nhiều khả năng Argentina sẽ chính thức được MSCI nâng hạng thị trường mới nổi trong khi Kuwait có khả năng được nâng hạng qua đó chính thức được nâng hạng vào tháng 5/2020. Argentina nâng hạng kỳ 5/2019 tỷ trọng thì Việt Nam sẽ tăng từ 17% lên khoảng 23%. Khi Kuwait nâng hạng chính thức 5/2020 thì tỷ trọng Việt Nam sẽ tăng lên 30% của MSCI frontier 100 Index. Trường hợp Việt Nam tăng tỷ trọng thêm 6% thì sẽ có 31 triệu USD từ ETF iShare đầu tư bổ sung.

Ngoài iShare ETF, theo thống kê từ Bloomberg có gần một chục quỹ đang đầu tư theo chỉ số MSCI frontier Markets 100 Index và MSCI frontier Markets Index có giá trị khoảng 3,7 tỷ USD. Mặc dù các quỹ này không đầu tư hoàn toàn theo tỷ lệ Việt Nam trong các bộ chỉ số tuy nhiên khi Việt Nam được tăng trọng 6% thì về mặt lý thuyết sẽ có khoảng 220 triệu USD đầu tư thêm vào Việt Nam.

Thay đổi danh mục thành phần VN30 kỳ I/2019, có hiệu 6/5 đến 2/8/2019.

Sở GDCK HCM cập nhật thành phần chỉ số VN30 kỳ I/2019, trong đó sự thay đổi đáng chú ý đến từ nhóm cổ VIC, VHM và VRE. Giới hạn tỷ trọng vốn của nhóm này giảm từ 47% xuống còn 41.91%. Đây là thay đổi phù hợp với quy định nhóm cổ phiếu liên quan không vượt quá tỷ lệ 15% trong rổ VN30. Sự thay đổi sẽ điều chỉnh tỷ trọng của các cổ phiếu thành phần tuy nhiên mức độ thay đổi không lớn.

Với quỹ VFMVN30 ETF có quy mô 5,811 tỷ (ghi nhận tại ngày 25/4) thì hoạt động cơ cấu sẽ diễn ra trước thời điểm chỉ số có hiệu lực. Tăng giảm tỷ trọng các cổ phiếu thành phần xem chi tiết tại **Phụ lục 1**.

Mặc dù sự thay đổi là không lớn tuy nhiên chúng tôi cũng lưu ý nếu hoạt động cơ cấu đồng loạt tại một thời điểm và trong bối cảnh thanh khoản thấp thì sẽ tác động tức thời lên chỉ số tại thời điểm giao dịch, qua đó ảnh hưởng đến hoạt động trading HDTL.

Đàm phán thương mại Mỹ - Trung có cơ hội đi đến thỏa thuận trong tháng 5. Sau những tín hiệu vào giữa tháng 4, phái đoàn thương mại Mỹ sẽ tới Trung Quốc vào 30/4 và sau đó phái đoàn thương mại Trung sẽ đến Mỹ vào 8/5. Các vấn đề chính của vòng đàm phán gồm các vấn đề sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, các rào cản phi thuế quan hay nông nghiệp.

Trước đó, Mỹ đã có nhượng bộ trong vấn đề mục tiêu trợ cấp công nghiệp Trung Quốc và tập trung vào các lĩnh vực chuyển giao công nghệ, bảo hộ sở

hữu trí tuệ và khả năng tiếp cận thị trường. Phía Mỹ cũng đưa đề nghị Trung Quốc chuyển hàng rào thuế quan từ nông sản sang các mặt hàng khác và phía Trung Quốc đang cân nhắc đáp ứng. Những thay đổi này đã giúp cho các cuộc đàm phán tháng 4 đạt được tiến bộ rõ rệt và được cả Mỹ và Trung xác nhận.

Các vòng đàm phán tiếp theo được đẩy nhanh cho mục tiêu đạt được thỏa thuận, theo đó khả năng được cân nhắc vào dịp Tổng thống Trump đến Nhật Bản vào cuối tháng 5. Sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Trung Quốc gần đây cũng gắn liền với tín hiệu tích cực từ đàm phán, ảnh hưởng này cũng rộng khắp đến TTCK toàn cầu. Đây tiếp tục là thông tin có tầm ảnh hưởng lớn nhất trong tháng 5.

Mỹ miễn lệnh trừng phạt nhập dầu Iran đầu tháng 5 và những xung đột tại các nước xuất khẩu dầu như Lybia và Venezuela hỗ trợ giá dầu ngắn hạn.

Sau tuyên bố Mỹ sẽ chấm dứt miễn lệnh trừng phạt với 8 quốc gia nhập khẩu dầu từ Iran vào 2/5, giá dầu sau đó tăng mạnh đạt đỉnh cao mới trong năm. Giá dầu tăng mạnh là chính phủ Mỹ không mong muốn trước kỳ tranh cử của Tổng thống Trump. Mỹ trấn an sẽ hợp tác với Ả-rập Xê-út và các Tiểu Vương quốc Ả-rập để bù đắp lượng dầu mất đi từ Iran. Giá dầu chỉ giảm nhiệt vào thời điểm cuối tháng 4 trước lời kêu gọi giảm giá dầu của Tổng thống Trump với OPEC. Các phân tích của các tổ chức tài chính đều kỳ vọng chính quyền Trump sẽ gia hạn thời gian miễn lệnh trừng phạt cho 5 quốc gia như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Thổ Nhĩ Kỳ. Dù vậy khả năng này rất khó khả thi với những phát biểu của Chính phủ Mỹ gần đây.

Cùng với thông tin miễn lệnh trừng phạt nhập dầu Iran, xung đột tại Lybia và Venezuela đang là yếu tố ảnh hưởng đến nguồn cung và tâm lý đẩy giá dầu tăng nhanh như hiện tại. Lệnh trừng phạt mới của Mỹ đồng nghĩa thị trường dầu sẽ mất khoảng 700,000 – 800,000 thùng/ngày trong ngắn hạn. Mặt khác nước sản xuất dầu chính gồm OPEC và Nga đang trong giai đoạn thỏa thuận cắt giảm sản lượng 1.2 triệu thùng/ngày đến hết tháng 6. Vấn đề cung cầu dầu chỉ được giải quyết triệt để khi Mỹ có thể thúc đẩy OPEC và Nga sớm đảo ngược định hướng nguồn cung và nâng sản lượng trở lại. Giá dầu do vậy còn biến động phức tạp vào đầu tháng 5 này.

Bảng 11

Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường trong tháng 5/2019:

Sự kiện	Tác động đến TTCK
Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô vẫn khá tích cực hỗ trợ ổn định kinh tế vĩ mô và hoàn thành các mục tiêu năm 2019.	Tích cực
Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XIV từ 20/5 đến 13/6/2019 với các nội dung luật lưu ý	Tích cực
Việt Nam có cơ hội đón dòng vốn mới từ MSCI tăng tỷ trọng Việt Nam trong chỉ số MSCI frontier 100 Index.	Tích cực, dòng tiền mới
Thay đổi danh mục thành phần VN30 kỳ I/2019, có hiệu 6/5 đến 2/8/2019	Tăng thanh khoản
Đàm phán thương mại Mỹ - Trung kỳ vọng đạt thỏa thuận vào cuối tháng 5	Tác động mạnh đến các thị trường và tâm lý NGĐT

FED họp chính sách từ 30/4 – 1/5, tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ hiện tại.	Ổn định các thị trường
Các cuộc xung đột địa chính trị, lệnh cấm vận dầu Iran mới sẽ ảnh hưởng giá dầu. Cuộc tổng bầu cử tại Ấn Độ ngày 19/5 và bầu cử lại hội đồng EU từ 23-26/5	Gây xáo trộn, ảnh hưởng cục bộ
Cuộc chiến chống trợ cấp Mỹ - EU	Cần thời gian lượng hóa, tiềm ẩn rủi ro

Nguồn: BSC Research

Thị trường trở lại vị thế giằng co do không còn được hỗ trợ từ dòng vốn ngoại ETF, tâm lý thận trọng trước tin đồn và sự phân hóa mạnh về KQKD quý I. Hiệu ứng từ KQKD quý I sẽ không còn tác động đến thị trường thay vào đó dòng tiền mới cũng như thông tin hỗ trợ sẽ ảnh hưởng đến thị trường trong tháng 5. Với kỳ vọng Hiệp định thương mại Mỹ - Trung và Việt Nam có thể đón dòng tiền ETF mới kỳ vọng giúp thị trường tăng điểm rõ rệt vào nửa sau tháng 5. VN-Index sẽ vận động 950 điểm - 1,000 điểm trong tháng 5.

- Trường hợp tích cực, VN-Index giữ trên 965 điểm và sẽ kiểm tra 1,000 điểm. Thanh khoản duy trì ổn định.
- Trường hợp tiêu cực, VN-Index có thể giảm dưới 950 điểm nếu có những thông tin bất lợi từ thế giới.

NDĐT có thể tham khảo một số chủ đề, và các báo cáo cập nhật trong các tháng:

- Nhóm ngành và cổ phiếu được chúng tôi đánh giá khả quan trong Báo cáo triển vọng Ngành năm 2019 ([Link](#)) và Báo cáo triển vọng ngành quý II ([Link](#));
- Nhóm cổ phiếu Cảng biển, Dệt may hưởng lợi từ hiệp định thương mại và chuyển dịch sản xuất từ chiến tranh thương mại;
- Nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ hồi phục giá NVL và giá dầu;
- Các cổ phiếu có tính phòng thủ cao như Điện, Công nghệ thông tin – bưu chính, Tiêu dùng bán lẻ có mức tăng trưởng và cổ tức cao;
- Về dài hạn, các cổ phiếu khuyến nghị của BSC sẽ được đề cập trong các Báo cáo chiến lược ngành quý IV ([Link](#)), các cổ phiếu có chuyển biến tốt được khuyến nghị trong Báo cáo TVĐT hàng tuần ([Link](#)) và Báo cáo cập nhật ngành/doanh nghiệp ([link](#)).

Phụ lục 1: Thay đổi tỷ trọng cổ phiếu thành phần VN30 và hoạt động mua bán cơ cấu của quỹ
ETF VFMVN30

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng hiện tại	Chênh lệch	CP thay đổi
1	CII	0.6%	0.7%	0.0%	(48,641)
2	CTD	0.8%	0.8%	0.0%	15,170
3	CTG	1.0%	1.2%	-0.2%	(561,382)
4	DHG	0.6%	0.6%	0.0%	11,804
5	DPM	0.5%	0.4%	0.0%	56,529
6	EIB	2.9%	2.6%	0.3%	929,591
7	FPT	3.9%	3.5%	0.4%	452,838
8	GAS	1.7%	1.7%	0.1%	34,559
9	GMD	1.1%	1.0%	0.0%	91,143
10	HDB	3.1%	3.0%	0.1%	247,988
11	HPG	6.9%	6.6%	0.3%	460,204
12	MBB	4.4%	4.0%	0.4%	1,174,693
13	MSN	6.5%	7.0%	-0.5%	(354,415)
14	MWG	3.9%	3.8%	0.2%	102,876
15	NVL	3.1%	3.0%	0.1%	117,604
16	PNJ	2.2%	2.1%	0.1%	48,247
17	REE	0.9%	0.8%	0.0%	61,583
18	ROS	0.8%	0.8%	0.0%	61,493
19	SAB	2.7%	3.6%	-0.8%	(204,953)
20	SBT	0.8%	0.7%	0.0%	94,808
21	SSI	1.3%	1.2%	0.0%	110,325
22	STB	3.3%	3.2%	0.1%	618,783
23	TCB	8.8%	8.5%	0.3%	820,768
24	VCB	3.2%	3.9%	-0.7%	(559,192)
25	VHM	5.2%	5.6%	-0.4%	(256,145)
26	VIC	7.3%	7.9%	-0.6%	(292,885)
27	VJC	5.0%	4.9%	0.2%	97,796
28	VNM	9.6%	9.2%	0.4%	178,443
29	VPB	5.3%	5.1%	0.2%	621,041
30	VRE	2.5%	2.7%	-0.2%	(320,563)

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: BSCV <GO>

